

## Chương 2: PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Nội dung:

*Công ước HS và phân loại hàng hóa theo  
danh mục hàng hóa XNK của Việt Nam*

# PHẦN 1: CÔNG ƯỚC HS

## I. Tổng quan về HS

### *1. Lịch sử hình thành, phát triển*

- Danh mục theo thứ tự ABC
- 1931: Danh mục Genever
- 1950: Công ước Brussels/ Danh mục Brussels
- 1974: Danh mục hàng hóa của CCC
- 1983: Công ước HS/ Danh mục HS (sửa đổi năm 1992, 1996, 2002, 2007)

## ***2. Vai trò của HS***

- Thống nhất cách phân loại theo danh mục chung
- Cơ sở xây dựng danh mục hàng hóa XNK tại các nước
- Thống kê thương mại quốc tế
- Xác định xuất xứ hàng hóa
- Quản lý, kiểm soát hàng hóa XNK

### ***3. Cấu trúc của Công ước HS***

#### **3.1. Thân công ước**

#### **3.2. Phụ lục công ước (Danh mục HS)**

- ✓ Các quy tắc phân loại tổng quát
- ✓ Chú giải phần, chương, nhóm, phân nhóm
- ✓ Mã số nhóm và phân nhóm

## II. Hệ thống hài hòa mô tả mã hàng hóa/ Danh mục HS

### 1. Cách mô tả hàng mã hàng hóa trong HS

---

#### **Phần X**

**Mã hàng: ABCD.EF**

*Trong đó:*

*X: Số thứ tự phần*

*AB: Số chương*

*CD: Mã hiệu nhóm*

*EF: Mã hiệu phân nhóm*

## ***Ví dụ:***

*Phần I: Động vật sống, sản phẩm động vật*

*Chương 1: Động vật sống*

*Nhóm: 01.04: Cừu và dê sống*

*Phân nhóm: 0104.10: Cừu*

*Phân nhóm: 0104.20: Dê*

## ***Lưu ý:***

- Số phần: Số La mã
- Số chương, nhóm, phân nhóm: Số Ả Rập
- Phân nhóm 6 chữ số

➤ Nhóm không chia nhỏ: ABCD.**00**

➤ Phân nhóm 1 gạch và 2 gạch:

- **Ví dụ:**

| Nhóm hàng | Mã số (Phân nhóm) | Mô tả hàng hóa  |                          |
|-----------|-------------------|---|--------------------------|
| 42.03     | 4203.10           | - Hàng may mặc  | Phân nhóm 1 gạch         |
|           | 4203.21           | --Chuyên dùng cho thể thao  |                          |
|           | 4203.29           | --Loại khác   | Phân nhóm 2 gạch         |
| 42.04     | 4204. <b>00</b>   | Sản phẩm da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp dùng cho các mục đích kỹ thuật | Nhóm hàng không chia nhỏ |

## ❑ Mô tả hàng hóa trong HS

➤ *Nguyên tắc mô tả:*

Từ bao quát tới chi tiết

Ví dụ:

➤ *Các dấu phân cách*

- Dấu phẩy (,)
- Dấu chấm phẩy (;)
- Dấu hai chấm (:)
- Dấu chấm (.)

➤ *Các chú giải pháp lý (chú giải bắt buộc)*

- Chú giải Định nghĩa
- Chú giải định hướng
- Chú giải loại trừ
- Chú giải liệt kê



**Ví dụ:**

## **Chương 6**

***Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí***

### **Chú giải**

1. Theo phần 2 của nhóm 06.01 chương này chỉ bao gồm: cây sống và các sản phẩm (kể cả cây giống từ hạt) do người trồng hoa, người làm vườn ươm cây cung cấp để trồng hay trang trí; tuy nhiên chương này không bao gồm: khoai tây, hành củ, hành tỏi, tỏi và các sản phẩm khác thuộc chương 7.
2. Khi xem xét một mặt hàng nào đó trong nhóm 06.03 hoặc 06.04, phải kể đến cả những mặt hàng như lăng hoa, bó hoa, vòng hoa và các sản phẩm tương tự, được làm toàn bộ hoặc một phần bằng các vật liệu nêu trong nhóm, không tính đến những đồ phụ trợ làm bằng vật liệu khác. Tuy nhiên, các nhóm này không bao gồm các tác phẩm ghép hay phù điêu trang trí tương tự thuộc nhóm 97.01.

## **PHẦN 2: PHÂN LOẠI HÀNG HÓA XNK CỦA VIỆT NAM**

### **A. Việt Nam gia nhập công ước HS**

- ✓ Việt Nam phê chuẩn Công ước ngày 6/3/1998 và CU có hiệu lực từ ngày 1/1/2000.
- ✓ Quyền và nghĩa vụ
  - Xây dựng Danh mục biểu thuế quan và Danh mục thống kê phù hợp với HS;
  - Sử dụng toàn bộ các nhóm hàng và phân nhóm hàng và không được thay đổi bất cứ điều gì trong các văn bản hoặc các mã số.
  - Được quyền tạo ra trong Danh mục của mình các phân nhóm phụ nhằm xác định cụ thể hơn các mặt hàng không thể phân loại trong HS
  - Công bố các số liệu thống kê về nhập khẩu, xuất khẩu theo mã số 6 số của HS nhưng cũng có thể cung cấp ở mức chi tiết hơn so với HS

## **B. Các danh mục hàng hóa XNK của Việt Nam**

### ***I. Danh mục biểu thuế quan hài hòa Asean (AHTN)***

- Được xây dựng trên cơ sở HS
- Bao gồm các dòng thuế từ biểu thuế của các nước thành viên Asean
- Chi tiết ở cấp độ 8 chữ số

### ***II. Danh mục hàng hóa XNK của Việt Nam***

- Ban hành từ 13/6/2003
- Sửa đổi năm 2007 (hiệu lực 2008)
- Áp dụng hoàn toàn Danh mục HS và thống nhất với AHTN
- Chi tiết ở cấp độ phân nhóm 8 chữ số

## **1. Vai trò của DM hàng hóa XNK của VN**

- Xây dựng biểu thuế đối với hàng hóa XK,NK
- Phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hàng hóa khác có liên quan đến hoạt động XNK
- Thống kê nhà nước về hàng hóa XNK
- Phục vụ công tác quản lý nhà nước.

## **2. Cấu trúc của DMHHXNK VN**

- Các quy tắc phân loại tổng quát (như HS)
- Các chú giải pháp lý (bắt buộc)
- Danh mục hàng hóa chi tiết (21 phần, 97 chương)

# CẤU TRÚC DMHHXNK VN (107/2007/QĐ-BTC)

- ✓ Danh mục hàng hóa chi tiết (21 phần, 97 chương)
- Cột 1: Mã hiệu nhóm hàng
- Cột 2: Mô tả hàng hóa
- Cột 3: Đơn vị tính
- Cột 4: Code
- Cột 5: Description
- Cột 6: Unit of Quantity

| MH | Mô tả HH | ĐVT | Code | Description | Unit of Quantity |
|----|----------|-----|------|-------------|------------------|
|    |          |     |      |             |                  |

## 2.1. Phân nhóm 6 chữ số

*Ví dụ 1:*

| Mã hàng |    |    | Mô tả hàng hóa  | ĐVT |
|---------|----|----|---|-----|
| 0704    |    |    | <b>Bắp cải, hoa lơ, su hào, cải xoăn và các loại rau ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh</b> |     |
| 0704    | 10 |    | - Hoa lơ và hoa lơ kép chịu rét:  |     |
| 0704    | 10 | 10 | - - Hoa lơ  |     |
| 0704    | 10 | 20 | - - Hoa lơ kép chịu rét (headed brocoli)  |     |



Phân nhóm cấp 1 có  
đánh số

Phân nhóm cấp 2

## Ví dụ 2:

| Mã hàng |    |    | Mô tả hàng hóa   | ĐVT |
|---------|----|----|--|-----|
| 0705    |    |    | <b>Rau diếp, xà lách (<i>lactuca sativa</i>) và rau diếp, xà lách xoăn (<i>cichorium spp</i>), tươi hoặc ướp lạnh.</b> |     |
|         |    |    | - Rau diếp, xà lách:   |     |
| 0705    | 11 | 00 | - - Rau diếp, xà lách cuộn   |     |
| 0705    | 19 | 00 | - - Loại khác  |     |

Phân nhóm cấp 1  
không đánh số

## 2.2. Phân nhóm 8 chữ số

| Mã hàng |    |    | Mô tả hàng hóa   | ĐVT |
|---------|----|----|--|-----|
| 1601    |    |    | <b>Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó</b> |     |
|         |    |    | - Xúc xích:  |     |
| 1601    | 00 | 11 | - - Làm từ thịt lợn ( <i>chi tiết luôn thành 8 số. 2 gạch</i> )  |     |
| 1602    |    |    | <b>Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác</b>  |     |
| 1602    | 10 | 00 | - Chế phẩm đồng nhất   |     |
|         |    |    | - Từ lợn:  |     |
| 1602    | 41 | 00 | - - Thịt mỡ nguyên miếng và cắt mảnh   |     |
| 1602    | 49 |    | - - Loại khác, kể cả các sản phẩm pha trộn:  |     |
| 1602    | 49 | 10 | - - - Thịt hộp   |     |
| 1602    | 49 | 90 | - - - Loại khác  |     |



## ➤ Cách phân nhóm 8 chữ số:

- ✓ Không chi tiết thành phân nhóm 6 chữ số mà chi tiết luôn thành phân nhóm 8 chữ số

*Nhóm hàng + 00 + X0 ( $X \neq 0$ )*

*Ví dụ: 2614.00.10: Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite*

- ✓ Nhóm hàng không chi tiết thành phân nhóm 6 chữ số và 8 chữ số:

*Nhóm hàng + 0000*

*Ví dụ: 7902.00.00: Kẽm phế liệu và mảnh vụn*

- ✓ Không chi tiết phân nhóm 6 số thành phân nhóm 8 số:

*Phân nhóm 6 số + 00*

*Ví dụ: 8547.10.00: Khớp gioăng cách điện bằng gốm sứ*

## ➤ **Hệ thống vạch mã hàng 8 số:**

- ✓ Phân nhóm 8 số thuộc phân nhóm 6 số cấp 1: 2 vạch
- ✓ Phân nhóm 8 số thuộc phân nhóm 6 số cấp 2:  
3 vạch
- ✓ Theo yêu cầu chi tiết: 4, 5, 6 vạch

| Mã hàng |    |    | Mô tả hàng hóa   | ĐVT |
|---------|----|----|--|-----|
| 1602    |    |    | Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác |     |
| 1602    | 32 |    | -- Từ gà loài <i>Gallus domesticus</i>   |     |
| 1602    | 32 | 10 | --- Cà ri gà đóng hộp  |     |
| 1602    | 32 | 90 | --- Loại khác  |     |

### 3. Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam

#### 3.1. Biểu thuế xuất khẩu (216/2009/TT-BTC)

Biểu thuế không xây dựng danh mục đầy đủ theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam mà chỉ chi tiết những nhóm mặt hàng chịu thuế xuất khẩu. Biểu thuế xuất khẩu được chia thành 4 cột.

Biểu thuế gồm 71 nhóm hàng

| Số thứ tự | Mô tả   | Thuộc các nhóm, phân nhóm |    |    |    | Thuế suất (%) |
|-----------|---------|---------------------------|----|----|----|---------------|
| 3         | Đá phần | 2509                      | 00 | 00 | 00 | 17            |

## 3.2. Biểu thuế Nhập khẩu 2010 (216/2009/TT-BTC)

Xây dựng trên cơ sở DMHHXNK VN (107/2007/QĐ-BTC)

| Mã hàng |   |   |   |   | Mô tả hàng hóa | ĐVT | Thuế suất thuế NK (%) |              |      |           |                    |           |                    |                |                |         | VAT (%) |
|---------|---|---|---|---|----------------|-----|-----------------------|--------------|------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|----------------|----------------|---------|---------|
|         |   |   |   |   |                |     | Ưu Đãi                | Thông thường | CEPT | ACFTA     |                    | AKFTA     |                    | VJEPA          |                | AANZFTA |         |
|         |   |   |   |   |                |     |                       |              |      | Thuế suất | Nước không áp dụng | Thuế suất | Nước không áp dụng | Đến 31/03/2010 | Đến 31/03/2011 |         |         |
| 1       | 2 | 3 | 4 | 5 | 6              | 7   | 8                     | 9            | 10   | 11        | 12                 | 13        | 14                 | 15             | 16             | 17      | 18      |
|         |   |   |   |   |                |     |                       |              |      |           |                    |           |                    |                |                |         |         |

## Giải thích:

✓ **Cột 1 đến 5:** Mã hàng (10 chữ số)

- Phân nhóm 6 số của HS
- Phân nhóm 8 số của AHTN và DMHHXNK VN
- Phân nhóm 10 số của Việt Nam
- Phân nhóm 12 số thực hiện VJEPA

✓ **Cột 8:** Áp dụng với các nước có thỏa thuận MFN

✓ **Cột 9:** Thuế suất thông thường khi NK từ những nước không có MFN và ưu đãi khác

*Thuế suất thông thường = 150% thuế suất ưu đãi (cột 8)*

✓ **Cột 10:** Thuế suất ưu đãi đặc biệt thực hiện CEPT (giai đoạn 2008 – 2013)

✓ **Cột 11 đến 14:** Thuế suất ưu đãi đặc biệt thực hiện ACFTA, AKFTA (giai đoạn 2009 – 2011)

✓ **Cột 17:** Thuế suất ưu đãi đặc biệt thực hiện AANZFTA (giai đoạn 2010 – 2012)

## **C. Phân loại hàng hóa theo danh mục HHXNK , biểu thuế XNK của VN**

### ***I. Nguyên tắc phân loại***

#### ***1. Nguyên tắc chung***

- ✓ Tuân thủ Danh mục hàng hóa XNKVN; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Biểu thuế xuất khẩu
- ✓ Tuân thủ nghị định 06/2003/ NĐ-CP về phân loại HHXNK và thông tư hướng dẫn
- ✓ Tuân thủ 6 quy tắc tổng quát của CU HS
- ✓ Phải tham khảo các Chú giải bắt buộc của CU HS, tuyển tập ý kiến phân loại của WCO, danh mục phân loại hàng hóa theo danh mục chữ cái của WCO, các chú giải bổ sung của AHTN

#### ***2. Một số trường hợp phân loại theo quy định riêng***

- ✓ Phân loại thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ
- ✓ Phân loại linh kiện rời đồng bộ và không đồng bộ của mặt hàng cơ khí, điện, điện tử

## *II. Các quy tắc phân loại hàng hóa tổng quát theo HS*

### **TỔNG QUAN**

- Là phần không tách rời của HS
- Nhằm thống nhất cách phân loại
- Phải áp dụng tuân t<sup>ự</sup> quy tắc từ 1 đến 4
- Quy tắc 5 áp dụng cho trường hợp riêng
- 5 quy tắc đầu liên quan tới nhóm 4 số
- Quy tắc 6 liên quan tới phân loại phân nhóm 6 số

- QT1 Quy tắc tổng quan chung
- QT 2(a) chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, chưa lắp ráp hoặc tháo rời
- QT 2(b) Hỗn hợp hoặc hợp chất
- QT 3 Hai hoặc nhiều nhóm
- QT 3(a) Đặc trưng nhất
- QT 3(b) Đặc trưng cơ bản
- QT 3(c) Nhóm có thứ tự sau cùng
- QT 4 Giống nhất
- QT 5(a) Bao bì đặc biệt
- QT 5(b) Bao bì hoặc vật liệu đóng gói
- QT 6 Chú giải và nội dung của phân nhóm và quy tắc 1 đến 5



## *1. Quy tắc 1:*

- Tên của các Phần, của Chương hoặc của Phân chương được đưa ra **chỉ nhằm mục đích dễ tra cứu**. Để **đảm bảo tính pháp lý**, việc phân loại hàng hóa phải được xác định theo nội dung của từng nhóm và bất cứ chú giải của các Phần, Chương liên quan và theo các quy tắc dưới đây nếu các nhóm hoặc các chú giải đó không có yêu cầu nào khác.
- Trường hợp áp dụng quy tắc 1 không phân loại được hàng hóa thì áp dụng quy tắc tiếp theo.

## **Ví dụ 1: Phân loại TRANH GỒM**

- Chương 69: Đồ gốm sứ
- Chương 97: Các tác phẩm nghệ thuật, kể cả bằng gốm
- Chú giải loại trừ 2(m) chương 69
- Kết luận: Thuộc chương 97

## **Ví dụ 2: Phân loại Voi làm xiếc**

- Chương 1: Động vật sống (khả năng 01.06)
- Chú giải loại trừ 1(c) chương 1: Không bao gồm động vật thuộc nhóm 95.08 (gồm bày thú làm xiếc)
- Kết luận: Nhóm 95.08

## **Ví dụ 3: Phân loại hàng hóa có mô tả trong HĐMB:**

*Ngựa dùng làm giống, mục đích sinh sản (01.01)*

## **Ví dụ 4: Vịt trời sống, trọng lượng < 2kg (01.05/01.06)**

## Ví dụ 5:

### Mô tả hàng hóa

- Theo loại phương tiện
- Phương tiện chở người
- Xe sử dụng trên đường bộ
- Để chở 5 người
- sử dụng động cơ diesel
- 2000 cc

### Nhóm có thể xem xét:

- Chương 84, 86, 87, 88, 89
- 86, 87, 88, 89
- 87
- 87.03
- 8703.31, 8703.32, 8703.33
- **8703.32**



## 2. Quy tắc 2:

- ▶ (a) Một mặt hàng được phân loại trong một nhóm hàng, thì những mặt hàng đó ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện nhưng đã **có đặc trưng cơ bản của hàng hóa đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện** cũng thuộc nhóm đó. Cũng phân loại như vậy đối với hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hay hoàn thiện hoặc đã có đặc trưng cơ bản của hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hay hoàn thiện nhưng chưa lắp ráp hoặc tháo rời.
- ▶ (b) Nếu **một nguyên liệu, một chất** được phân **loại trong một nhóm nào đó** thì **hỗn hợp hay hợp chất** của nguyên liệu hoặc chất đó với những nguyên liệu hoặc chất khác **cũng thuộc nhóm đó**. Hàng hóa làm **toàn bộ bằng một loại** nguyên liệu hay một chất, hoặc làm **một phần** bằng nguyên liệu hay chất đó được phân loại trong **cùng nhóm**. Việc phân loại những hàng hóa làm bằng **hai** loại nguyên liệu hay **hai** chất trở lên phải tuân theo **quy tắc 3**.

***a. Quy tắc 2a (mặt hàng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện)***

**Ví dụ 1:**

- Phân loại *Súng săn ngắn nòng chưa ráp cò súng (Chương 93)*
- Phân loại *Súng săn*

**Ví dụ 2:**

- Phân loại *phôi sản xuất chìa khóa (8301.70.00)*
- Phân loại *Đồng đã pha kẽm dát mỏng để sản xuất chìa khóa (nhóm 7409)*
- Phân loại *Phôi thép*

**Ví dụ 3:**

- Phân loại *Bộ linh kiện xe đạp hoàn chỉnh chưa lắp ráp*
- Phân loại *bộ linh kiện xe đạp hoàn chỉnh chưa lắp ráp kèm theo một số lượng lốp và khung xe cùng loại*

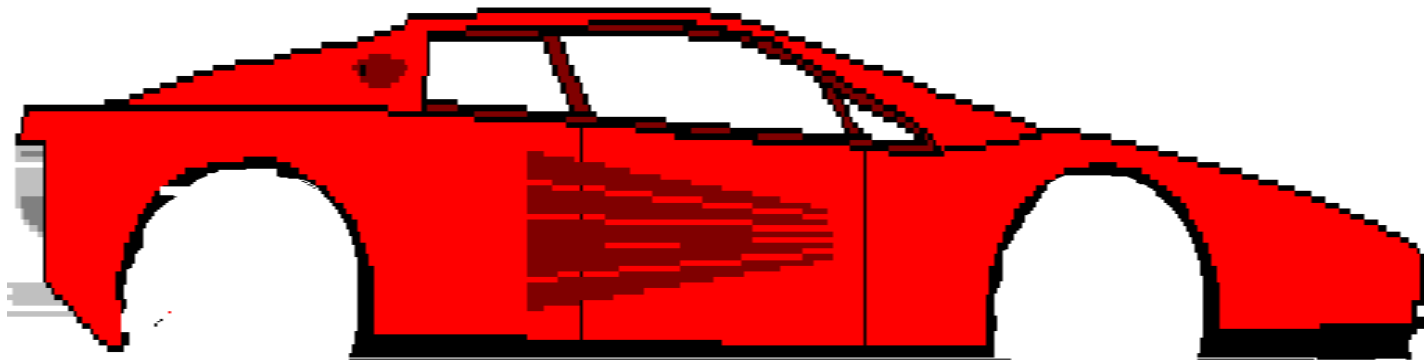
# PHÔI CHÌA KHÓA BẰNG THÉP CÓ PHÂN LOẠI VÀO SẢN PHẨM BẰNG THÉP KHÔNG?

**83.01**



## **Ví dụ 4:**

- **Phân loại ô tô không có bánh xe?**

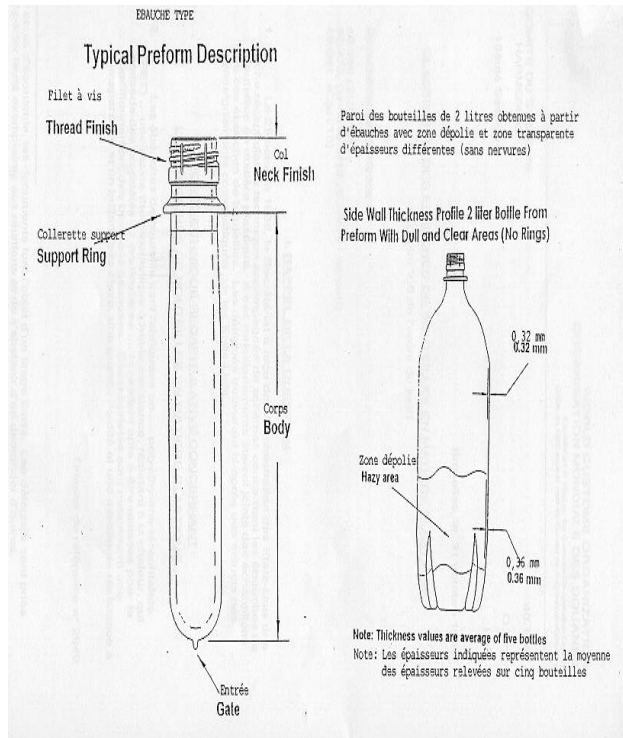


**87.03: ô tô hoàn chỉnh theo  
quy tắc 2(a)**



## Ví dụ 5

# Phôi Chai làm bằng nhựa



39.23 áp dụng quy tắc 2(a)



## Ví dụ 6:

- ▶ **Phân loại linh kiện máy đồng hồ cá nhân đồng bộ chưa lắp ráp**
  - 91.08 Máy đồng hồ cá nhân, hoàn chỉnh và đã lắp ráp
  - 91.10 Máy đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân hoàn chỉnh, chưa lắp ráp hoặc đã lắp ráp từng phần....
  - Không thể phân loại vào nhóm 91.08 như một sản phẩm đã lắp ráp. **Quy tắc 1** luôn luôn được áp dụng đầu tiên, theo quy định tại quy tắc này thì việc phân loại phải được xác định theo tên nhóm

## ***b. Quy tắc 2b***

### **Thường dùng phân loại các nhóm:**

- Những nhóm có liên quan tới nguyên liệu hoặc chất xác định
- Nhóm có liên quan tới hàng hóa được cấu tạo từ nguyên liệu hoặc chất nhất định (ví dụ: Nhóm sản phẩm làm bằng đồng, nhôm, cao su, hàng hóa làm bằng lie tự nhiên..)
  - Chỉ áp dụng khi nội dung nhóm, chú giải phần chương không có yêu cầu khác
  - Không áp dụng khi nguyên liệu hoặc chất thêm vào làm mất đặc tính của hàng hóa được mô tả trong nhóm
  - Hỗn hợp, hợp chất hoặc hàng hóa cấu tạo từ 2 hay nhiều nguyên liệu hoặc chất mà thoạt nhìn có thể phân vào nhiều nhóm khác nhau thì áp dụng **QT3**

## **Ví dụ 1:**

- Lông lợn dùng làm bàn chải (05.02)
- Tinh bột (nguyên chất hoặc có pha thêm chất chống oxy hóa): 11.08

## **Ví dụ 2:**

- Ống dẫn bằng đồng (74.11)
- Lớp xe mới bằng cao su (40.11)
- Bánh quy (ngọt/không ngọt): 19.05

## **Ví dụ 3: Dao inóc có cán bằng gỗ? (82.11)**

### **Ví dụ 4: Loại trừ áp dụng 2(b)**

Phân loại *hỗn hợp dầu mỡ lợn ăn được*:

15.03 hay 15.17 ?

### **Ví dụ 5: Loại trừ 2(b)**

Ống dẫn nước bằng hỗn hợp đồng và nhôm theo tỷ lệ  
Đồng x%, Nhôm y%

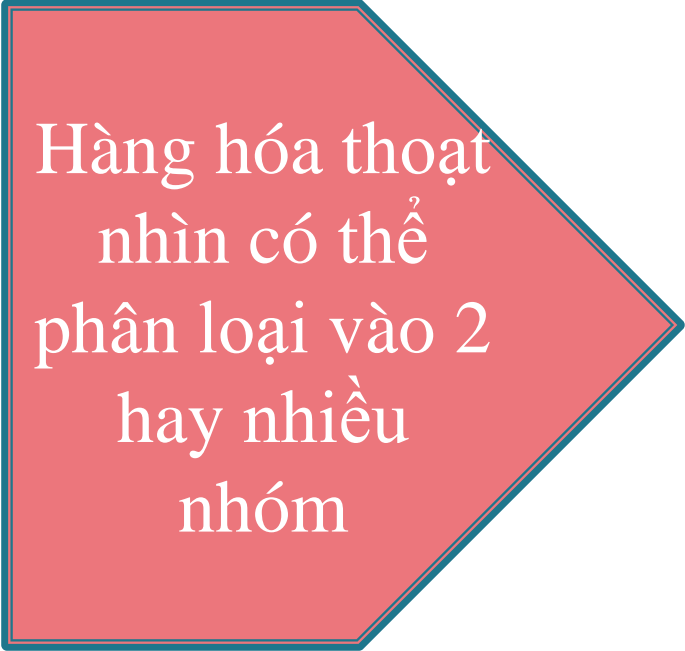
### **Ví dụ 6: Loại trừ 2(b)**

- Băng tải một mặt làm bằng cao su, 1 mặt làm bằng nhựa
- Áo khoác 1 mặt bằng vải nilong, 1 mặt bằng vải cotton

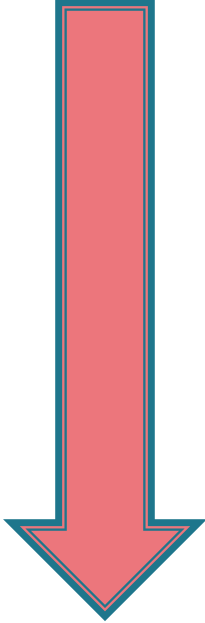
3. *Quy tắc 3* : Hàng hóa thoát nhìn có thể phân loại vào hai hay nhiều nhóm:

- (A) Hàng hóa được phân loại vào nhóm có mô tả cụ thể, mang tính đặc trưng cơ bản nhất.
- (B) Những hàng hóa hỗn hợp bao gồm nhiều nguyên liệu khác nhau hoặc những hàng hóa được làm từ nhiều bộ phận cấu thành khác nhau và những hàng hóa ở dạng bộ để bán lẻ: Phân loại theo nguyên liệu hoặc bộ phận cấu thành tạo ra đặc tính cơ bản của chúng.
- (C) Khi hàng hóa không thể phân loại theo 3(A) hoặc 3(B) thì được phân loại vào nhóm cuối cùng theo thứ tự đánh số trong số các nhóm tương đương được xem xét .

# QUY TẮC 3



Hàng hóa thoát  
nhìn có thể  
phân loại vào 2  
hay nhiều  
nhóm

- 
- (a) Mô tả cụ thể,  
đặc trưng nhất
  - (b) Tạo nên đặc  
tính cơ bản
  - (c) Nhóm có số  
thứ tự sau cùng

Ghi chú: Chỉ áp dụng khi nội  
dung của nhóm hoặc phần,  
chương không có đề cập khác

## QT 3 (a)

Mô tả cụ thể được ưu tiên lựa chọn hơn mô tả khái quát  
NHƯNG

Khi có hai hoặc nhiều nhóm mà mỗi nhóm chỉ liên quan đến một phần nguyên liệu hoặc chất chứa trong (1) hàng hoá hỗn hợp, (2) hàng hoá là hợp chất hoặc (3) hàng hoá ở dạng bộ.

## THÌ

Mỗi nhóm đó được xem là có đặc trưng ngang nhau ngay cả khi một trong số các nhóm đó mô tả đầy đủ hơn hoặc chính xác hơn

# CÁCH NHẬN BIẾT MÔ TẢ CỤ THỂ NHẤT

Một loại hàng hóa cấu tạo từ 3 chất khác nhau a, b, c

Nhóm A đề cập tới  
mô tả của chất a

Nhóm B đề cập tới  
mô tả của chất b cụ  
thể hơn

Nhóm C đề cập tới  
mô tả của chất c cụ  
thể nhất

Các nhóm  
trên được  
xem là  
tương đương



# Ví dụ 1: Đinh tán hình ống bằng thép

*Khả năng phân loại*



- Nhóm **73.18**: Đinh vít, bulông, đai ốc, ... đinh tán
- Nhóm: **83.08**: Đinh tán hình ống hoặc chân xòe ...

**Nhóm nào???**

## Ví dụ 2: Máy cạo râu bỏ túi có lắp động cơ điện

*Khả năng phân loại:*

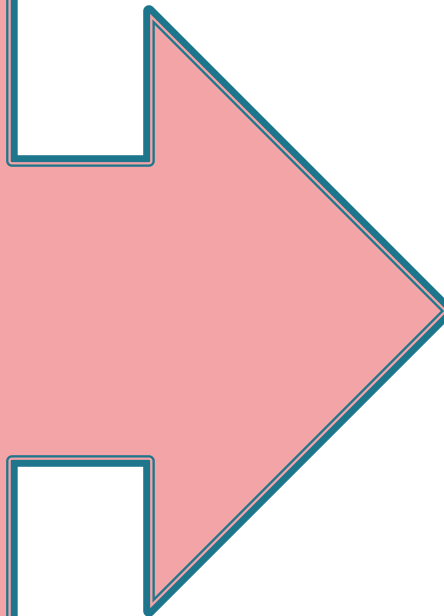
- **85.09** Thiết bị cơ điện gia dụng có lắp động cơ điện
- **85.10** Máy cạo râu, tông đơ cắt tóc với các dụng cụ cắt tóc có lắp động cơ điện
- Mô tả bằng **tên gọi** luôn đặc trưng hơn mô tả bằng loại hàng hoá



**BT:** Thảm  
chùi chân  
trong xe ô tô  
(87.08/57.03  
???)



Không phân loại được  
theo quy tắc 3(a):  
Khi có hai hoặc nhiều  
nhóm liên quan đến một  
phần nguyên liệu hoặc  
chất cấu thành hàng hóa  
là hỗn hợp hoặc hợp chất  
hoặc hàng hoá ở dạng  
đóng bộ để bán lẻ

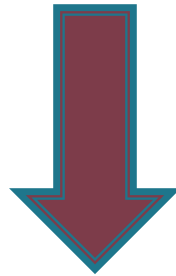


QUY  
TẮC  
3(b)

## QUY TẮC 3(B)

Hàng hoá là Hỗn hợp, hợp chất của nhiều nguyên liệu khác nhau **hoặc** làm từ Các thành phần khác nhau **và** hàng hoá ở dạng bộ để bán lẻ

Thì căn cứ



Theo nguyên liệu hay thành phần mang lại **đặc trưng cơ bản** cho hàng hoá

# ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

- Bản chất của nguyên liệu hay thành phần
  - Kích thước
  - Số lượng
  - Chất lượng
  - Khối lượng
  - Giá trị
  - Khác
- Nguyên liệu hay thành phần mang lại **CÔNG DỤNG** chính của hàng hoá đó

# Ví dụ 1: Hỗn hợp lúa mì và đại mạch để làm bia



**Ví dụ 2:** Thắt lưng 1 mặt làm bằng da, 1 mặt làm bằng nhựa

**Khả năng phân loại:**

- 42.03: Thắt lưng bằng da
- 39.26: Sản phẩm bằng nhựa khác

**Phân tích:**

- Da đắt hơn nhựa
- Da làm thắt lưng mềm mại, đàn hồi

**Kết luận:**

Da mang lại đặc trưng cho sản phẩm





**Ví dụ 3:** Bột đá mài phủ trên nền vật liệu không dệt với tỷ trọng:

- Bột đá mài: 40%
- Vật liệu không dệt: 30%
- Keo dính: 20%
- Dung môi: 10%



# BỘ SẢN PHẨM ĐÓNG GÓI ĐỂ BÁN LẺ

Nội dung “hàng hoá ở dạng bộ để bán lẻ”:

1. **Phải** bao gồm ít nhất **hai sản phẩm khác nhau**, chúng có thể được phân loại ở các nhóm khác nhau
2. **Phải** bao gồm hàng hoá được xếp đặt cùng nhau để **đáp ứng nhu cầu nhất định** hoặc thực hiện một **chức năng xác định**
3. **Phải** được xếp theo **cách thích hợp** để bán trực tiếp cho người sử dụng mà **không cần đóng gói tiếp**

**Ví dụ 1: Mì SPAGHETTI** gồm:

- ✓ Gói spaghetti chưa nấu (19.02)
  - ✓ Gói pho mát (04.06)
- ✓ Gói nhỏ nước sốt cà chua (21.03)
  - ✓ Đóng gói chung để bán lẻ



## **Ví dụ 2: Bộ sản phẩm làm đầu:**

- Khăn tắm (63.02)
- Kéo (82.13)
- Tông đơ cắt tóc chạy điện (85.10)
- Bàn chải (96.03)
- Lược (96.15)
- Hộp đựng (42.02)

## **Ví dụ 3: Bộ dụng cụ vẽ gồm:**

- Thước (90.17)
- Vòng tính (90.17)
- Compa (90.17)
- Bút chì (96.09)
- Vót bút chì (82.14)
- Túi nhựa (42.02)

## LOẠI TRỪ

KHÔNG ÁP DỤNG CHO BỘ SẢN PHẨM GỒM NHIỀU SẢN PHẨM ĐÓNG CÙNG NHAU KHÔNG CÙNG THỰC HIỆN 1 CHỨC NĂNG CHUNG

**Ví dụ 1:** Một thùng đồ hộp gồm:

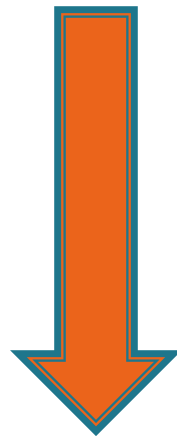
- 1 hộp pate
- 1 hộp phoma
- 1 hộp thịt xông khói
- 1 hộp xúc xích

**Ví dụ 2:** 1 thùng rượu gồm:

- 1 chai rượu mạnh
- 1 chai rượu vang

## QUY TẮC 3(C)

**Khi không thể phân loại theo  
3(a), 3(b)**



**QT 3(c): Phân loại vào nhóm  
có số thứ tự cuối cùng**

# Ví dụ 1: Hỗn hợp nấu bia

50% lúa mì (10.01)

50% đại mạch (10.03)



Lúa mì

Đại mạch

**Ví dụ 2:** Băng tải có 1 mặt là plastic, mặt kia là cao su

- Khả năng

**39.26:** Các sản phẩm khác bằng plastic

**40.10:** Băng chuyền hoặc băng tải... bằng cao su lưu hóa

- Phân tích:

*Áp dụng QT 3(a)???*

*Áp dụng QT 3(b)???*

*Áp dụng QT 3(c)???*



**Ví dụ 3:** Sản phẩm hỗn hợp gồm:

- Tôm: 1605.20 (50%)
- Sò: 1605.90 (30%)
- Mực: 1605.90 (20%)

Phân loại vào phân nhóm nào?

**Ví dụ 4:** Sản phẩm máy đa năng để gia công kim loại với các chức năng: Khoan, mài, tiện kim loại:

- Nhóm 84.58: Máy tiện hàn kim loại
- Nhóm 84.59: Máy khoan kim loại
- Nhóm 84.60: Máy mài kim loại

**Phân tích:** Có xác định được chức năng chính hay không?

#### 4. Quy tắc 4:

Hàng hóa không thể phân loại theo đúng các quy tắc trên thì được phân loại vào nhóm phù hợp với **hàng giống chúng nhất**

➤ Căn cứ so sánh:

- Mô tả/ Tên gọi
- Đặc điểm
- *Tính chất*
- *Mục đích sử dụng*

➤ Nguyên tắc: Chọn các sản phẩm trong cùng ngành hàng

**Ví dụ 1: Lò nướng dạng tấm, bằng inox, không sử dụng điện mà dùng năng lượng mặt trời để làm chín thức ăn**

**Phân tích:**

Nhóm 73.21

- Dụng cụ nấu và lò hâm nóng dạng tấm:

7321.11 -- Loại dùng nguyên liệu khí hoặc dùng cả khí và nhiên liệu khác

7321.12 -- Loại dùng nhiên liệu lỏng

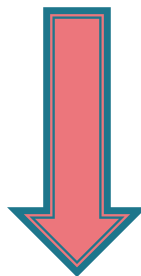
7321.13 -- Loại dùng nhiên liệu rắn

- Dụng cụ khác



## Ví dụ 2:

Mảnh vụn và phế thải của đá mài, đá đánh bóng..., của vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối (nhóm 68.04), chỉ phù hợp dùng để tái tạo vật liệu mài



*Nhóm 25.30: Các chất khoáng sản chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác*

**Phân nhóm: 2530.90**

### Ví dụ 3:

- Đồng xèng làm bằng nhôm (76.16: *Các sản phẩm khác bằng nhôm*)
- Đồng xèng làm bằng thép?
- Đồng xèng làm bằng đồng?



## **Ví dụ 4:** Thẻ từ làm bằng nhựa

- Sản phẩm từ nhựa (plastic)
- Băng đĩa chứa ghi hoặc đã ghi (85.23/85.24)



## 5. Quy tắc 5

Áp dụng cho việc phân loại các bao bì được sử dụng lâu dài, các loại vật liệu đóng gói và bao bì chứa đựng hàng hoá

### a. Quy tắc 5(a)

Bao máy ảnh, hộp đựng nhạc cụ, bao súng, hộp đựng dụng cụ vẽ, hộp tư trang và các loại bao hộp tương tự, **thích hợp hoặc có hình dạng đặc biệt** để chứa hàng hóa hoặc bộ hàng hóa xác định có thể **sử dụng trong thời gian dài** và **đi kèm với sản phẩm khi bán**, được phân loại cùng với những sản phẩm này.

Tuy nhiên nguyên tắc này **không** được áp dụng với bao bì **mang đặc tính cơ bản nội trội hơn** hàng hóa mà nó chứa đựng



## *Quy tắc 5(a)*

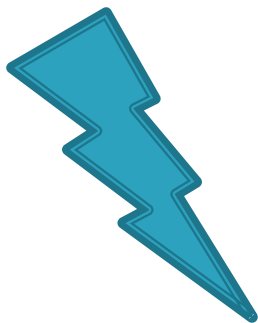
### **BAO, HỘP VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TỰ**

Bao bì được phân loại cùng với hàng hoá nó chứa đựng nếu:

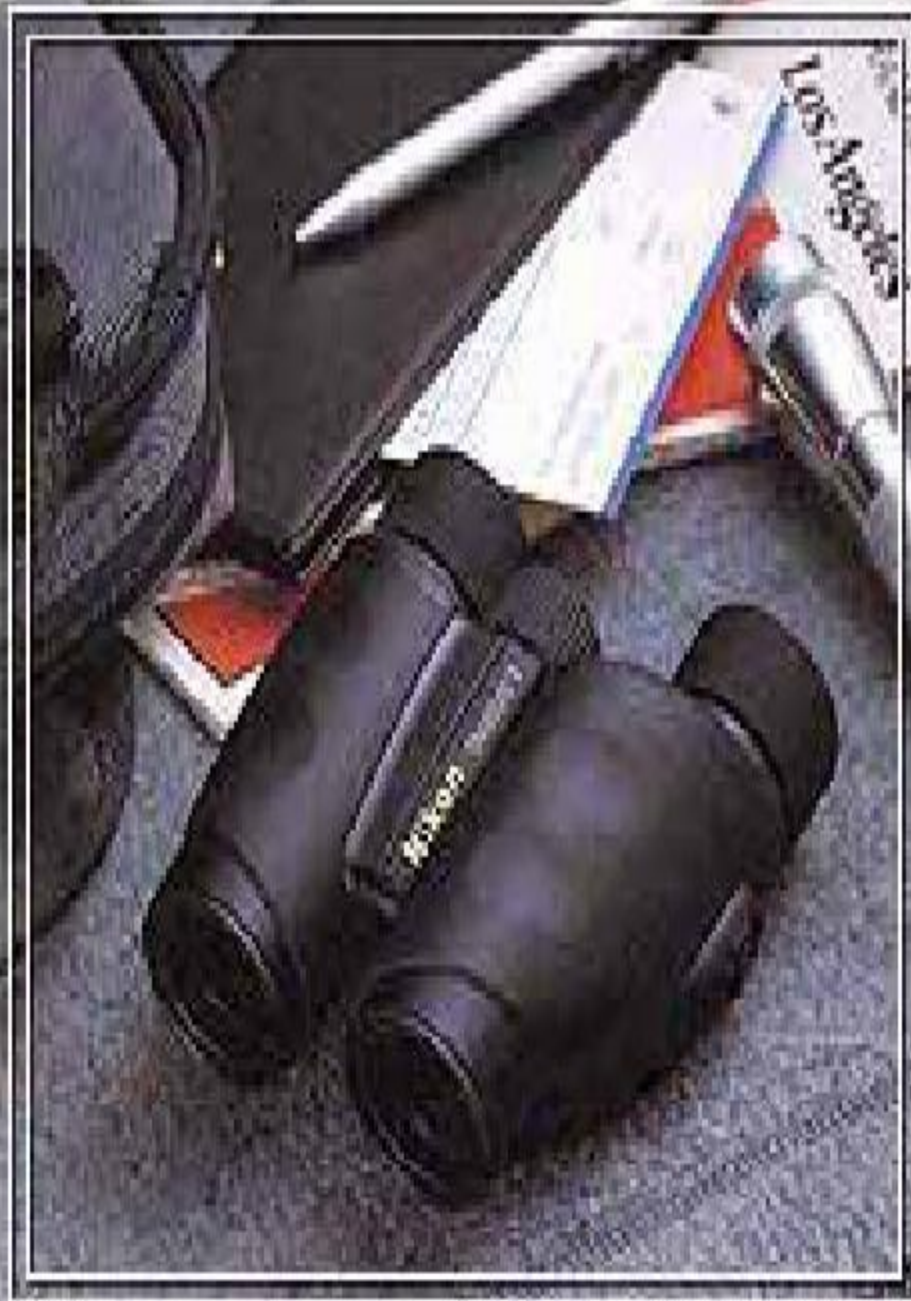
- (1) Thích hợp riêng hoặc có hình dạng đặc biệt để chứa đựng một loại hoặc một bộ hàng xác định;
- (2) Phù hợp để sử dụng lâu dài (được thiết kế để có độ bền cùng hàng hoá nó chứa);
- (3) Được đi cùng hàng hoá chúng chứa đựng, hàng hoá này có thể được gói riêng hoặc không, để thuận tiện cho việc vận chuyển; và
- (4) Là loại bao bì thường được bán với hàng hoá chứa đựng trong nó;
- (5) Không mang lại tính chất cơ bản cho bộ hàng hoá



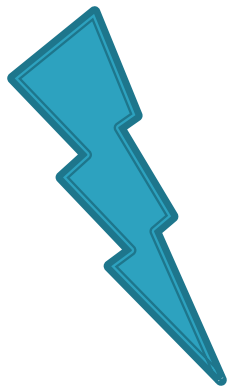
# Ví dụ 1: Hộp đựng ống nhòm nhập khẩu cùng ống nhòm



- Nhóm: 90.05 như ống nhòm
- Phân nhóm: 9005.10



## Ví dụ 2: Hộp đựng đàn nhập khẩu cùng đàn



Nhóm **92.02** như  
đàn



ブラウン



グレー



**Ví dụ 3:** Một lô hàng gồm 2 thùng carton:

- Thùng 1: 50 khẩu súng bắn pháo hiệu (90.03)
- Thùng 2: 50 bao súng thích hợp để chứa loại súng trên (42.02)
- ??? Phân nhóm như thế nào?

**Ví dụ 4:** Trường hợp loại trừ QT 5(a)

Bao bì mang đặc tính cơ bản nội trội hơn hàng hóa chứa đựng

- Hộp đựng trà bằng bạc chứa trà
- Bát gốm trang trí chứa kẹo

## *Quy tắc 5(b)*

Bao bì đựng hàng hóa được phân loại cùng với hàng hóa đó khi bao bì là loại thường được dùng cho loại hàng hóa đó mà không được tái sử dụng.

Vật liệu đóng gói và bao bì chứa đựng nhập cùng hàng hoá được phân loại cùng nhóm với hàng hoá đó:

- Nếu là loại thường dùng để đóng gói hàng hoá
- Nhưng **không** áp dụng cho vật liệu đóng gói hay **bao bì phù hợp sử dụng lặp lại**



## **Ví dụ 1:**

- Áo sơ mi nam nhập khẩu với miếng bìa carton ở dưới cổ và mặt sau lưng
- Áo được gấp và ghim chặt vào bìa để giữ ở hình dạng cố định.
- Được đựng trong túi ni lông
- Được đóng trong hộp carton
- Các hộp này được đặt trong thùng carton

**Tất cả được phân loại như áo sơ mi theo QT 5(b)**

## **Ví dụ 2: Bao đựng phân ure NK**

## **Ví dụ 2:** Trường hợp loại trừ của QT 5(b)

Thùng, bình kim loại  
đựng khí đốt dạng nén  
hoặc hóa lỏng: Bình  
gas, container....



## 6. Quy tắc 6:

Để đảm bảo tính pháp lý, việc phân loại hàng hoá vào phân nhóm của nhóm phải:

- Phù hợp theo nội dung của từng phân nhóm và chú giải của phân nhóm
- Phù hợp theo các quy tắc 1 – 5 với các sửa đổi về chi tiết cho thích hợp
- Chỉ so sánh phân nhóm cùng cấp độ
- Áp dụng chú giải phần, chương liên quan trừ khi có yêu cầu khác

## Quy tắc 6

- Phân loại căn cứ nội dung và chú giải của phân nhóm
- Áp dụng tuần tự quy tắc từ 1 tới 5 để xác định phân nhóm
- Các phân nhóm cùng cấp độ: Cùng số gạch  
*Ví dụ phân loại theo quy tắc 3(a):* Nhóm có mô tả đặc trưng nhất: xác định phân nhóm 1 gạch mô tả đặc trưng nhất rồi mới xác định phân nhóm 2 gạch có mô tả đặc trưng nhất
- Cũng áp dụng chú giải phần, chương trừ khi những chú giải này có nội dung không phù hợp với nội dung hoặc chú giải của phân nhóm



## Ví dụ 1: Chương 71 :

- \* Chú giải 4 (b) của chương: “Khái niệm “bạch kim” nghĩa là platin, iridi, osmi, paladi, rodi và rutheni”
- \* Chú giải 2 của phân nhóm: “.....Theo các phân nhóm 7110.11 và 7110.19, khái niệm bạch kim không bao gồm iridi, osmi, paladi, rodi và rutheni”

71.10: Bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột

- bạch kim:

7110.11 - - chưa gia công hoặc ở dạng bột

7110.19 - - loại khác

“BẠCH KIM” của nhóm 71.10  
khác “BẠCH KIM” của phân  
nhóm 7110.11 và 7110.19

## Ví dụ 2:

### Gói cà phê hòa tan



Sản phẩm hỗn hợp gồm:  
Bột cà phê hòa tan (2g), sữa bột  
(2g), đường (2g)

2101.12: Theo QT 1  
và QT 6

[CuaDuongThaCong.com](https://fb.com/tailieudientientt)

### Cốc cà phê hòa tan

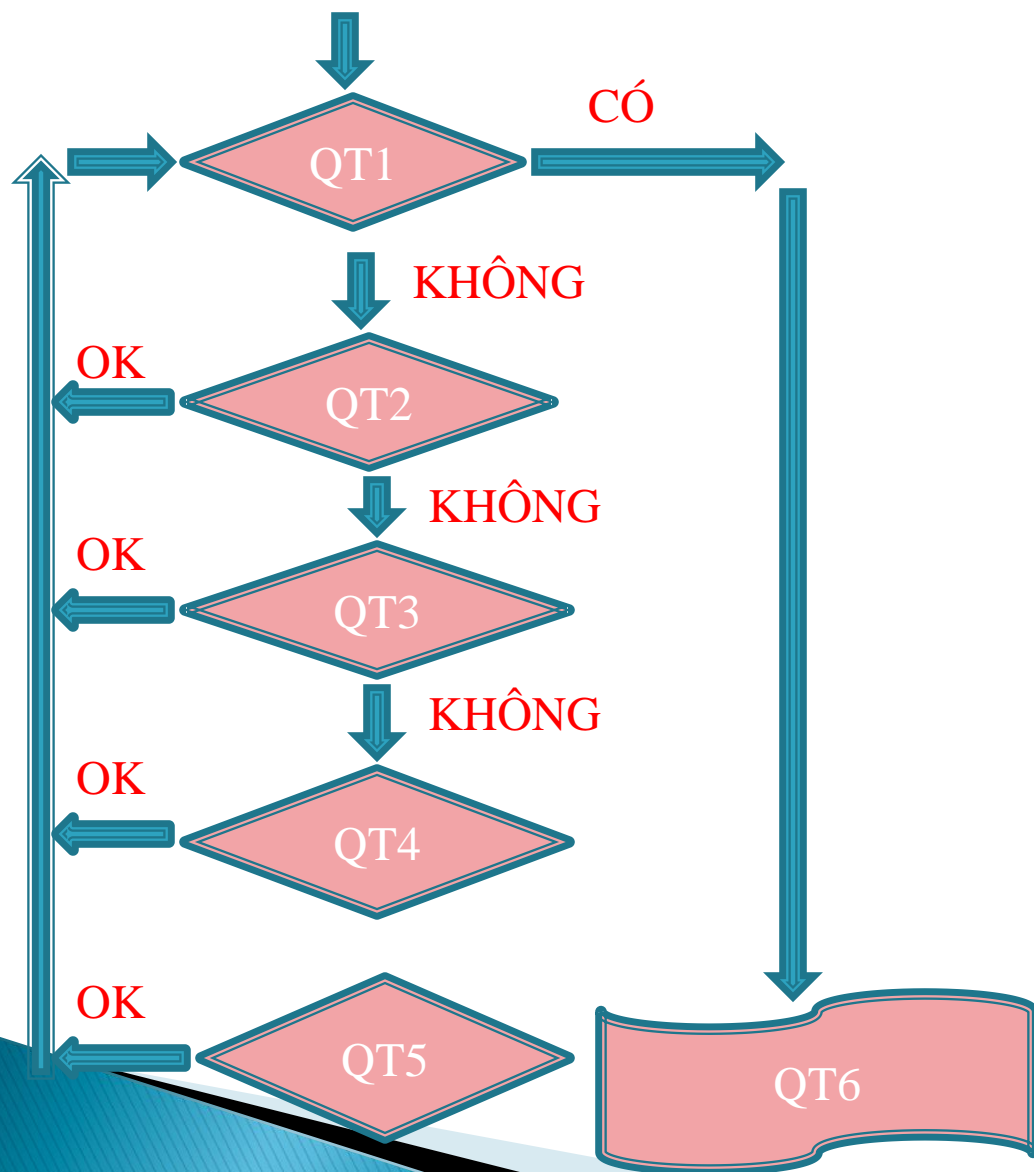


Cốc đựng các gói:  
Bột cà phê hòa tan (8g), sữa  
bột (2g), đường (1g)

2101.11: Theo QT 3(b) và  
QT 6

<https://fb.com/tailieudientientt>

## MÔ TẢ HÀNG HÓA



## SƠ ĐỒ ÁP DỤNG QUY TẮC

1. Tên phần, chương, để tham khảo

Căn cứ chú giải phần, chương, nội dung nhóm hàng

2. a. Chưa hoàn chỉnh, chưa hoàn thiện, chưa lắp ráp, tháo rời

b. Hỗn hợp, hợp chất

3. a. Cụ thể nhất

b. Đặc trưng cơ bản

c. Thứ tự sau cùng

4. Giống nhất

5. Bao bì

6. Áp dụng cho phân nhóm

QUYẾT ĐỊNH

# BÀI TẬP CHƯƠNG I

Phân nhóm các hàng hóa có mô tả (chỉ rõ Quy tắc áp dụng để phân loại)

BT1: Kệ di động chứa tài liệu, sách... bằng thép đã phủ sơn, di động trên đường ray cố định trên sàn (dạng đồng bộ tháo rời)

Gợi ý: Chương 73, 83, 94

BT2: Gà tây sống và vịt sống được nhập cùng nhau trong một lồng; gà tây có trọng lượng 190g/con; vịt có trọng lượng 180kg/con. Cả 2 loại được nhập với mục đích làm giống có tài liệu chứng minh

BT3: Thịt cá voi đã cắt miếng, không xương, đông lạnh

Gợi ý: Chương 2 hoặc chương 3

BT4: Muối ăn

BT5: Mật ong tự nhiên

BT6: Giấy được tẩm chất thử chẩn đoán hoặc chất thí nghiệm

BT7: Tủ quần áo bằng kim loại ở dạng rời

BT8: Van đường ống nước bằng thép dùng cho bồn rửa mặt

BT9: Cây bông ngoáy tai: 2 đầu bông gắn vào que nhựa (gợi ý: 3926, 5601, 9616)

BT10: Ống quần chỉ bằng kim loại (đồng, nhôm, sắt)

BT11: Bao đựng gạo được bán cùng gạo